



## PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2010

(Kèm theo Tờ trình Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp bất thường ngày 09/11/2010)

### I. TÓM TẮT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA VCB SAU CPH ĐẾN NAY

#### 1. Tình hình chung

- Trải qua gần 50 năm hình thành và phát triển, Vietcombank đã phát triển và lớn mạnh theo mô hình ngân hàng đa năng với hoạt động ngân hàng thương mại là cốt lõi, với quy mô và phạm vi hoạt động cả trong và ngoài nước.
- Thực hiện chủ trương cổ phần hóa DNNN, Vietcombank đã trở thành NHTMNN đầu tiên thực hiện thí điểm cổ phần hóa. Tháng 12/2007, Vietcombank đã tiến hành IPO, phát hành thêm 97,5 triệu cổ phiếu ra công chúng và thu về cho Nhà nước gần 10.000 tỷ đồng thặng dư phát hành.
- Tháng 6/2008, sau khi hoàn tất các thủ tục chuyển đổi, Vietcombank đã chuyển sang hoạt động theo hình thức NHTM cổ phần; tháng 6/2009 Vietcombank đã tiến hành niêm yết và giao dịch cổ phiếu VCB trên SGDCK T.p HCM.
- Hai năm sau cổ phần hóa, mặc dù phải đương đầu với nhiều khó khăn do khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế mang lại, Vietcombank đã tiếp tục củng cố và mở rộng mạng lưới hoạt động, nâng cao vị thế và uy tín, đảm bảo an toàn và hiệu quả hoạt động, nghiêm túc thực hiện các chủ trương chính sách của Chính Phủ, của NHNN, đóng góp vào việc thực hiện thành công nhiệm vụ của ngành ngân hàng, góp phần phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội.
- Về phương diện quản lý, cơ cấu tổ chức hoạt động và quản trị điều hành thời gian qua của VCB đã không ngừng được hoàn thiện, tiếp cận với thông lệ tiên tiến trên thế giới; công tác quản trị rủi ro được chú trọng; cơ chế thông tin ngày càng được minh bạch hóa, chính xác, kịp thời.

#### 2. Kết quả hoạt động kinh doanh

- Kết quả kinh doanh những năm qua cho thấy sự tăng trưởng tương đối bền vững của Vietcombank cả về quy mô lẫn chất lượng.
- Bảng 1: Một số chỉ tiêu cơ bản trong bảng tổng kết tài sản của VCB 2006-2009 và 9 tháng đầu năm 2010**

Đơn vị: tỷ VND

Chỉ tiêu	2005A	2006A	2007A	2008A	2009A	3Q2010
<b>TÀI SẢN</b>						
Tiền và các khoản tương đương	2.006	2.418	3.204	3.482	4.485	4.717
Tiền gửi NHNN	6.336	11.848	11.663	30.562	25.175	5.259
Tiền gửi và cho vay TCTD khác	42.384	52.235	39.180	30.368	47.456	50.611



Chỉ tiêu	2005A	2006A	2007A	2008A	2009A	3Q2010
Đầu tư chứng khoán	23.279	30.963	42.734	41.876	32.641	30.884
Cho vay khách hàng	61.044	67.743	97.631	112.793	141.621	163.301
Dự phòng RRTD	(1.343)	(1.492)	(2.103)	(4.175)	(4.625)	(4.777)
Góp vốn	643	965	1.900	3.049	3.638	3.731
Tài sản cố định	1.095	1.110	1.049	1.361	1.505	1.364
Tài sản khác	1.012	1.338	2.105	2.774	3.600	5.226
<b>Tổng tài sản</b>	<b>136.456</b>	<b>167.128</b>	<b>197.363</b>	<b>222.090</b>	<b>255.496</b>	<b>260.316</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>						
Các khoản nợ CP và NHNN	12.003	16.791	12.685	9.516	22.578	10.170
Tiền gửi và vay từ các TCTD khác	1.726	12.171	17.940	26.447	38.836	29.407
Tiền gửi k.hàng, phát hành GTCG	108.313	120.695	144.810	159.989	169.457	192.359
Công cụ nợ, vốn tài trợ, UTĐT	3.775	2.468	3.362	555	82	9
Các khoản nợ khác	2.151	3.700	4.954	11.533	7.723	8.122
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>127.968</b>	<b>155.825</b>	<b>183.751</b>	<b>208.040</b>	<b>238.676</b>	<b>240.067</b>
Lợi ích cổ đông thiểu số	72	75	84	103	109	118
Vốn điều lệ	4.279	4.357	4.429	12.101	12.101	13.224
Thặng dư vốn cổ phần						987
Vốn khác	1.158	1.181	1.258	64	45	45
Lợi nhuận giữ lại và các quỹ	2.979	5.690	7.841	1.781	4.564	5.875
<b>Tổng vốn chủ sở hữu</b>	<b>8.416</b>	<b>11.228</b>	<b>13.528</b>	<b>13.946</b>	<b>16.710</b>	<b>20.131</b>
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>136.456</b>	<b>167.128</b>	<b>197.363</b>	<b>222.090</b>	<b>255.496</b>	<b>260.316</b>

Nguồn: BCTC (hợp nhất) 2006-2009 (được kiểm toán), báo cáo tài chính quý 3/2010

- Bảng 2: Một số chỉ tiêu cơ bản về thu nhập, chi phí của VCB 2006-2009 và 9 tháng đầu năm 2010**

Đơn vị: tỷ VND

Chỉ tiêu	2005A	2006A	2007A	2008A	2009A	3Q2010
Thu nhập ròng từ lãi	3.310	3.817	4.005	6.622	6.499	6.077
Thu nhập ròng về dịch vụ	448	548	726	791	989	698
TN ròng về kinh doanh ngoại tệ	193	273	354	954	918	381

AP  
CỔ  
ƯỚ  
JAI

H  
S  
S  
D



Chỉ tiêu	2005A	2006A	2007A	2008A	2009A	3Q2010
TN ròng về kinh doanh CK	19	101	180	(280)	357	174
Thu nhập từ đầu tư góp vốn	44	160	254	550	396	167
Thu nhập khác	271	389	593	303	128	269
<b>Tổng thu ngoài lãi</b>	<b>975</b>	<b>1.471</b>	<b>2.107</b>	<b>2.318</b>	<b>2.788</b>	<b>1.689</b>
<b>Tổng thu</b>	<b>4.285</b>	<b>5.288</b>	<b>6.112</b>	<b>8.940</b>	<b>9.287</b>	<b>7.766</b>
Chi phí hoạt động	(967)	(1.291)	(1.627)	(2.593)	(3.494)	(3.148)
<b>Thu nhập ròng trước thuế và DP</b>	<b>3.318</b>	<b>3.997</b>	<b>4.485</b>	<b>6.347</b>	<b>5.793</b>	<b>4.618</b>
Dự phòng RRTD	(1.559)	(120)	(1.337)	(2.757)	(789)	(547)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1.759</b>	<b>3.877</b>	<b>3.148</b>	<b>3.590</b>	<b>5.004</b>	<b>4.071</b>
Thuế TNDN	(467)	(1.016)	(759)	(862)	(1.060)	(991)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(2)	(2)	(9)	(17)	(23)	(15)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	<b>1.290</b>	<b>2.859</b>	<b>2.380</b>	<b>2.711</b>	<b>3.921</b>	<b>3.065</b>

Nguồn: BCTC (hợp nhất) 2006-2009 (được kiểm toán), báo cáo tài chính quý 3/2010

- Bảng 3: Tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu chính**

Chỉ tiêu	2005A	2006A	2007A	2008A	2009A
Tăng trưởng tổng tài sản	13,71%	22,48%	18,09%	12,46%	15,04%
Tăng trưởng dư nợ cho vay	13,88%	10,97%	44,12%	15,53%	25,56%
Tăng trưởng huy động vốn từ nền k.té	22,38%	11,43%	19,98%	10,48%	5,92%
Tăng trưởng lợi nhuận ròng	16,95%	121,63%	-16,75%	13,91%	44,63%

Nguồn: BCTC (hợp nhất) 2006-2009 (được kiểm toán)

Tính đến 30/09/2010, tăng trưởng tổng tài sản, dư nợ cho vay và huy động vốn từ nền kinh tế của VCB đạt tương ứng 1,9%; 15,3% và 13,5%.

### 3. Các hệ số hiệu quả và an toàn

- Hoạt động kinh doanh của VCB luôn đạt hiệu quả cao, suất sinh lời của tài sản, vốn chủ sở hữu luôn cao hơn mức trung bình ngành; cơ cấu thu nhập chuyển dịch tích cực theo hướng tăng dần tỷ trọng thu ngoài lãi. Các hệ số an toàn được đảm bảo theo quy định hiện hành cũng như hướng tới chuẩn mực quốc tế.
- Bảng 4: Một số chỉ tiêu an toàn và hiệu quả**



Chỉ tiêu	2005A	2006A	2007A	2008A	2009
<b>HIỆU QUẢ</b>					
NIM	2,65%	2,58%	2,26%	3,26%	2,81%
Tỷ trọng thu nhập ngoài lãi	22,75%	27,82%	34,47%	25,93%	30,02%
ROAA	1,01%	1,88%	1,31%	1,29%	1,64%
ROAE	16,54%	29,11%	19,23%	19,74%	25,58%
<b>AN TOÀN</b>					
Tỷ lệ dư nợ cho vay/huy động vốn	56,36%	56,13%	67,42%	70,50%	83,57%
Tỷ lệ nợ xấu	3,40%	2,70%	3,87%	4,60%	2,47%
Hệ số CAR	9,50%	9,30%	9,20%	8,90%	8,11%

Nguồn: BCTC (hợp nhất) 2006-2009 (được kiểm toán)

- ROE của VCB luôn cao nhất trong số các NHTMNN và trong top 5 các NHTMCP, thanh khoản luôn được đảm bảo, hệ số CAR từ năm 2008 trở về trước luôn đạt trên 8%. Từ năm 2009, do thực hiện hướng dẫn mới của NHNN về xác định vốn tự có (Công văn 7634/NHNN-TCKT ngày 30/09/2009), mặt khác do VCB chưa được tăng vốn điều lệ nên có những thời điểm hệ số CAR của VCB đã xuống thấp hơn 8%.
- Tại thời điểm 30/09/10, hệ số CAR (hợp nhất) của VCB chỉ đạt 8,17%, sau khi VCB đã thực hiện tăng vốn điều lệ (đợt 1), tạm hạch toán ghi nhận thặng dư IPO được giữ lại cũng như tích cực tái cơ cấu tài sản có, chưa đáp ứng yêu cầu về hệ số CAR tối thiểu của NHNN đối với các TCTD là 9% (Thông tư 13/2010/TT-NHNN).

## II. VỐN ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI

### 1. Vốn điều lệ theo phương án cổ phần hóa và tại thời điểm chuyển đổi thành NH TMCP

- Theo phương án cổ phần hóa VCB được duyệt tại quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 26/09/2007 của Thủ tướng Chính Phủ, vốn điều lệ của VCB là 15.000 tỷ đồng.
- Ngày 26/12/2007, VCB đã tiến hành IPO chào bán ra công chúng 97,5 triệu cổ phần với giá đấu giá thành công bình quân thực tế là: 107.572 đồng. Sau khi IPO, VCB đã bán cổ phiếu cho cán bộ CNV với giá ưu đãi (60% giá đấu giá bình quân) theo quy định và thực hiện chuyển đổi đối với Trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2005.
- Tổng Vốn điều lệ tại thời điểm VCB chính thức chuyển đổi thành NHTM cổ phần (02/06/2008) là: 12.100.860.260.000 đồng.
- Trong tháng 8/2010, VCB đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ thêm 9,28% (theo phương án được ĐHĐCD thông qua trong năm 2009 và ủy quyền cho HĐQT tiếp tục triển khai thực hiện trong năm 2010). Vốn điều lệ sau đợt tăng này là: 13.223.714.520.000 đồng.

GÃI  
NG  
OA  
IE  
KI



## 2. Cơ cấu vốn điều lệ hiện tại

- Vốn điều lệ của VCB hiện nay ~ 13.224 tỷ đồng trong đó tỷ lệ sở hữu của Nhà nước là 90,72%, các cổ đông khác sở hữu 9,28%.
- Bảng 5: Cơ cấu sở hữu vốn điều lệ của VCB tại thời điểm 30/09/2010**

Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ đông	30/09/2010		
	Số cổ phần	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
Nhà nước (NHNN)	1.199.666.918	11.997	90,72%
Cổ đông khác	122.704.534	1.227	9,28%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.322.371.452</b>	<b>13.224</b>	<b>100,00%</b>

## III. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ 2010

### 1. Nhu cầu tăng Vốn điều lệ

- Thực tế hiện nay cho thấy quy mô của VCB cũng như các NHTMCP khác tại Việt Nam còn rất nhỏ so với các ngân hàng trong khu vực và trên thế giới. Đây là lý do khiến khả năng cạnh tranh và chống đỡ rủi ro trong bối cảnh thị trường tài chính mở cửa hội nhập là rất lớn. Chính vì vậy, *tăng vốn để nâng cao năng lực xét về quy mô của VCB* là nhu cầu tất yếu.
- Hiện tại, vốn điều lệ của VCB mới đạt trên 13 ngàn tỷ đồng, so với phương án cổ phần hóa được duyệt thì mới đạt 88%. Vốn điều lệ thấp là lý do làm cho vốn chủ sở hữu thấp dẫn đến giảm hệ số an toàn vốn tối thiểu CAR mặc dù VCB đã tích cực tái cơ cấu các khoản mục tài sản. *Tăng VĐL là hết sức cần thiết để cải thiện hệ số CAR, nâng cao an toàn hoạt động*, đáp ứng yêu cầu quản lý của NHNN, tiền dàn tới các chuẩn mực quốc tế, giúp nâng cao hình ảnh và thương hiệu của VCB trên trường quốc tế, hỗ trợ tích cực cho việc tìm kiếm đối tác chiến lược.
- Mặt khác, theo quy định về các tỷ lệ an toàn bắt buộc do NHNN quy định, tổng đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp khác (kể cả công ty con) của các TCTD không được quá 40% vốn điều lệ và các quỹ dự trữ. Trong thời gian qua, mặc dù đã xem xét, tái cơ cấu danh mục đầu tư, tăng hiệu quả kinh doanh nhưng tổng mức đầu tư của VCB đã gần chạm ngưỡng giới hạn quy định. *Nếu không tăng được quy mô VĐL sẽ dẫn tới hạn chế phạm vi hoạt động, sức cạnh tranh trong bối cảnh quy mô VĐL của các NHTMCP khác không ngừng gia tăng.*
- Trong suốt thời gian từ trước và sau IPO đến nay VCB vẫn tích cực tìm kiếm cổ đông chiến lược và dự tính phương án phát hành thêm cổ phiếu cho CĐCL. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khác nhau (cơ chế giá, tình hình kinh tế tài chính thế giới và khu vực, ...) công việc này cho đến nay vẫn chưa mang lại kết quả.

HỘ KHẨU  
MÃ KHẨU  
TÍCH  
THỦ THUẬT



- Tóm lại, xét trên nhiều phương diện, việc tăng VĐL của VCB là nhu cầu cấp thiết trong năm 2010 và những năm tới.

## 2. Kế hoạch kinh doanh 2010 - 2011

- Năm 2010, dự kiến tổng tài sản của VCB tăng 15%, huy động vốn tăng 23%, tín dụng tăng 20% so với mức tại thời điểm 31/12/09, lợi nhuận trước thuế dự kiến 4.500 tỷ đồng. Năm 2011, tốc độ tăng tổng tài sản, huy động vốn và tín dụng dự kiến là 15% và 20%, lợi nhuận trước thuế dự kiến là 5.150 tỷ đồng.
- Theo kế hoạch này, với những quy định mới của NHNN về tính tỷ lệ an toàn vốn (từ 01/10/2010) thì hệ số CAR của VCB không đáp ứng yêu cầu tối thiểu là 9%.
- Bảng 6: Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2010-2011 (với dự kiến tăng vốn)

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2010/2009		2011/2010	
				Tỷ VND	%	Tỷ VND	%
Tổng tài sản	255.496	293.820	337.893	38.324	15.00%	44.073	15.00%
Dư nợ cho vay khách hàng	141.621	169.945	203.934	28.324	20.00%	33.989	20.00%
TG khách hàng và GTCG	169.457	208.432	250.119	38.975	23.00%	41.686	20.00%
TG, tiền vay của TCTD khác	38.836	40.040	40.953	1.204	3.10%	913	2.28%
Lợi nhuận trước thuế	5.004	4.500	5.150	(504)	(10.07%)	650	14.44%
ROAA	1,64%	1,23%	1,25%				
ROAE	25,58%	18,00%	18,50%				

(Đơn vị: tỷ VND, %)

## 3. Vốn điều lệ dự kiến tăng và nguồn tài trợ.

- Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch 2010 và các giả định ở trên, nhu cầu VĐL được xác định ở bảng dưới đây.
- Bảng 7: Nhu cầu VĐL năm 2010

Đơn vị: tỷ VND

Hệ số an toàn vốn năm 2010	9,5%
Vốn điều lệ cần có	17.588
Vốn điều lệ tăng thêm	4.364

- Như vậy, để đạt hệ số an toàn vốn CAR ở mức 9,5% trong năm 2010, VCB cần tăng VĐL thêm 4.364 tỷ đồng.
- Phương thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 33% và giá bằng mệnh giá.*
- Tổng số cổ phiếu phát hành thêm: 436.382.579cp tương đương 4.363.825.790.000đ theo mệnh giá.



- Cổ phiếu phát hành là cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần (*Mười nghìn đồng một cổ phần*).
- Thời điểm phát hành dự kiến: trong cuối quý 4/2010 hoặc đầu quý 1/2011 (ngay sau khi có sự chấp thuận của các cơ quan chức năng).
- Đối tượng: toàn bộ các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm VCB chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm; cổ đông sở hữu quyền mua cổ phần nếu không có nhu cầu mua có thể chuyển nhượng quyền mua cho người khác hoặc từ chối quyền mua.
- Tỷ lệ phát hành thêm: 33%. Cổ đông sở hữu 100 cổ phần tại thời điểm VCB chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sẽ được quyền mua thêm 33 cổ phần phát hành thêm; tổng số cổ phần được quyền mua thêm của mỗi cổ đông sẽ được làm tròn đến 1 đơn vị theo nguyên tắc: dưới 1 làm tròn bằng 0. Ví dụ: tại thời điểm VCB chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông A sở hữu 2950 cổ phần VCB, số cổ phần được quyền mua thêm của cổ đông này được xác định =  $2950 \times 33\% = 973,5$  làm tròn là 973 cổ phần.
- Giá phát hành: bằng mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần).
- Sau đợt phát hành này, vốn điều lệ của VCB sẽ tăng thêm 4.363.825.790.000 đồng đạt mức 17.587.540.310.000 đồng.

#### IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỐN ĐIỀU LỆ TĂNG THÊM, KHẢ NĂNG QUẢN TRỊ, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA KẾ HOẠCH

##### 1. Trình tự thủ tục, phương thức tiến hành tăng vốn:

- Trình Đại hội cổ đông thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.
- HĐQT tiến hành các thủ tục cần thiết để có ý kiến chấp thuận của NHNN và UBCK Nhà nước.
- Thông báo chốt quyền; các cổ đông thực hiện quyền mua.
- Trình NHNN chuẩn y việc sửa đổi Điều lệ, đăng ký mức vốn điều lệ mới tại Sở KHĐT T.p Hà Nội và thực hiện báo cáo/công bố thông tin theo quy định.

##### 2. Kế hoạch sử dụng vốn tăng thêm

Việc tăng vốn điều lệ nhằm đảm bảo hệ số an toàn vốn của VCB theo quy định của NHNN. Vốn tăng thêm được sử dụng để:

- *Tăng đầu tư góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác: khoảng 900 tỷ đồng*
- *Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ: khoảng 700 tỷ đồng.*
- *Sử dụng để tăng trưởng tín dụng và kinh doanh vốn: phần còn lại.*



- ✓ Tài trợ cho các dự án có hiệu quả cao, các dự án phát triển công nghệ, hạ tầng cơ sở.
- ✓ Tài trợ vốn cho các doanh nghiệp có tiềm năng phát triển an toàn, tình hình tài chính ổn định, có chiến lược kinh doanh khả thi với các phương án kinh doanh tốt, đội ngũ lãnh đạo, điều hành giàu kinh nghiệm;
- ✓ Sử dụng vốn để đầu tư trái phiếu, các công cụ nợ khác, ...

### 3. **Khả năng quản trị vốn sau khi tăng VĐL**

- Quy mô vốn điều lệ tăng lên đòi hỏi công tác quản trị, quản lý, giám sát của VCB cũng phải tăng lên tương ứng.
- Tính đến thời điểm hiện tại, Hội đồng quản trị VCB gồm 6 thành viên là những cá nhân có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, quản lý doanh nghiệp, tài chính ngân hàng, có tầm nhìn chiến lược. Các vấn đề trước khi quyết định đều được thảo luận một cách kỹ lưỡng, cẩn trọng trên cơ sở đồng thuận, biểu quyết theo đa số. Đây là một trong các yếu tố quyết định cho sự ổn định và bền vững trong hoạt động của VCB. Các thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công trực tiếp nhiệm vụ quản trị theo từng mảng hoạt động của VCB. Một số thành viên Hội đồng quản trị hoạt động chuyên trách, cho nên tiến độ giải quyết công việc nhanh, kịp thời và hiệu quả. Hội đồng quản trị đóng vai trò xây dựng định hướng chiến lược tổng thể và định hướng hoạt động lâu dài cho VCB, chỉ đạo xây dựng các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh trình ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Ban Điều hành của VCB gồm những cá nhân có chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm, có năng lực quản lý điều hành, nắm bắt và thực thi đúng định hướng của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị. Ban điều hành gồm có Tổng Giám đốc điều hành chung và 7 Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc. Ban điều hành có chức năng cụ thể hóa chiến lược tổng thể và các mục tiêu được ngân hàng đề ra bằng các kế hoạch và phương án kinh doanh; tham mưu cho Hội đồng quản trị các vấn đề về chiến lược, chính sách và trực tiếp điều hành mọi hoạt động của VCB.
- VCB đã xây dựng được cơ chế quản trị và điều hành theo các chuẩn mực quốc tế trong hoạt động ngân hàng.
- Ban Kiểm soát và đội ngũ kiểm toán, giám sát ngân hàng thường xuyên thực hiện kiểm tra giám sát các hoạt động nhằm giảm thiểu rủi ro hoạt động của ngân hàng.
- Hệ thống công nghệ thông tin tại VCB hiện đại, các quy trình quản lý được tin học hóa, nối mạng toàn hệ thống đáp ứng yêu cầu cao của công tác quản lý. Đây cũng chính là yếu tố quan trọng giúp VCB tăng khả năng cung ứng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại cho khách hàng.

### 4. **Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn**

- Sau khi tăng VĐL, do phát hành toàn bộ cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu hiện tại nên tỷ lệ sở hữu của Nhà nước tại Vietcombank sau phát hành sẽ không thay đổi.



- Bảng 8: Cơ cấu vốn điều lệ sau phát hành thêm**

Cơ cấu vốn điều lệ	Hiện tại	Sau khi phát hành thêm 33%
Nhà nước	90,72%	90,72%
Cổ đông khác	9,28%	9,28%
<b>Tổng cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

- Tương tự, cơ cấu và tỷ lệ cổ phần của các cổ đông là thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ngân hàng sau phát hành thêm cũng sẽ không thay đổi.*
- Sau khi tăng VDL, VCB sẽ có thêm nguồn vốn để đầu tư, hệ số CAR sẽ tăng đáng kể đồng thời hiệu quả đầu tư vốn của cổ đông vẫn được duy trì (ROE 2010 có giảm do tốc độ tăng VDL lớn nhưng sẽ tăng vào những năm sau) và quyền lợi cổ đông vẫn được đảm bảo (cổ tức cam kết 1.200 đồng/cổ phiếu không thay đổi, ROE lớn hơn mức chi trả cổ tức).

- Bảng 9: Một số chỉ tiêu hoạt động cơ bản 2010-2011**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2009	2010	2011
Tổng tài sản	Tỷ đồng	255.496	293.820	337.893
Dư nợ cho vay khách hàng	Tỷ đồng	141.621	169.945	203.934
Tiền gửi khách hàng và GTCG	Tỷ đồng	169.458	208.433	250.120
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5.004	4.500	5.150
ROAA	%	1,64%	1,23%	1,25%
ROAE	%	25,58%	18,00%	18,50%
CAR	%	8,11%	9,50%	9,50%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Huy động	%	83,57%	81,53%	81,53%
Tỷ lệ nợ xấu	%	2,47%	3,50% <sup>1</sup>	3,00%

- Như vậy, sau khi tăng VDL, các hệ số an toàn hoạt động của VCB đã được tăng đáng kể, trong đó hiệu quả hoạt động vẫn đảm bảo. Do thời điểm tăng vốn dự kiến vào cuối năm 2010, đầu năm 2011 nên tác động đến hiệu quả của phần vốn tăng thêm trong năm 2010-2011 là chưa lớn nhưng chắc chắn sẽ có tác động tích cực và mạnh mẽ hơn trong những năm tiếp theo.

<sup>1</sup> Phân loại nợ theo định tính



### 5. Tính khả thi của phương án tăng vốn

- Phương án tăng vốn này đảm bảo cân đối giữa tốc độ phát triển, quy mô hoạt động và hiệu quả kinh doanh cũng như lợi ích cổ đông, phù hợp với nhu cầu, mong muốn và năng lực tài chính của các cổ đông hiện hữu cũng như các nhà đầu tư.
- Năm 2010, nền kinh tế trên đà hồi phục, VCB là ngân hàng kinh doanh hiệu quả, có uy tín nên tính khả thi của việc phát hành cho cổ đông hiện hữu là cao.
- Trong trường hợp phát sinh số cổ phần chưa phát hành hết và đối với số cổ phiếu lẻ (do làm tròn trong quá trình phát hành): trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chào bán cho tổ chức Công đoàn VCB hoặc đối tượng khác với giá không thấp hơn mệnh giá để đảm bảo sự thành công của đợt phát hành./.



Nguyễn Hòa Bình

102